

PHỤ LỤC

Bổ sung chi tiết Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 (nguồn vốn ngân sách địa phương)
(Kèm theo Tờ trình số 323/TTr-KT ngày 18/8/2026 của Phòng Kinh tế xã Phước Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Dự án	Nhóm dự án	Thời gian khởi công và HT	Đầu mối giao kế hoạch vốn	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư dự án/Giá trị quyết toán			Kế hoạch đầu tư trung hạn 2026-2030		Kế hoạch đầu tư năm 2026 (Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/6/2026)		Lũy kế bổ tri Kế hoạch vốn bổ tri đầu tư năm 2026			Kế hoạch bổ tri kinh phí đầu tư				
							Tổng mức đầu tư							Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	trong đó: Ngân sách địa phương	Trong đó		Tổng mức đầu tư			Vốn phân cấp	Thu sử dụng đất và nguồn thu hợp pháp khác		Vốn phân cấp	Thu sử dụng đất và nguồn thu hợp pháp khác		
										Tổng số	trong đó: Ngân sách địa phương	Tổng số	trong đó: Ngân sách địa phương								
	Tổng số						-	14.395,00	14.395,00	14.395,00	14.395,00	6.625,00	6.625,00	5.898,95	2.225,50	3.673,45	200,0	132,0	68,0		
	Dự án khởi công năm 2026							14.395,00	14.395,00	14.395,00	14.395,00	6.625,00	6.625,00	5.898,95	2.225,50	3.673,45	200,0	132,0	68,0		
1	Đường ĐH.51 đoạn Suối Hủ - Đồng Vinh	C	2026	UBND xã Phước Giang	Phòng Kinh tế	Thôn Đồng Vinh - xã Phước Giang	1379/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	3.000,00	3.000,00	3.000,00	3.000,00	1.600,00	1.600,00	1.410,40	527,50	882,90	50,0	33,0	17,0		
2	Nâng cấp mở rộng tuyến ngõ Tiêu Nhi - Gò Vôi	C	2026	UBND xã Phước Giang	Phòng Kinh tế	thôn Long Bàn Bắc - Xã Phước Giang	1380/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	1.900,00	1.900,00	1.900,00	1.900,00	1.900,00	1.900,00	1.680,00	540,50	1.139,50	50,0	33,0	17,0		
3	Nâng cấp tuyến đường từ Thị trấn Chợ Chùa - Cầu Mương Máng - Hành Nhân	C	2026	UBND xã Phước Giang	Phòng Kinh tế	thôn Đồng Trục Lâm - Xã Phước Giang	1382/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	8.000,00	8.000,00	8.000,00	8.000,00	1.630,00	1.630,00	1.469,50	718,50	751,00	50,0	33,0	17,0		
4	Đường ngõ ông Trí - Gò Mít	C	2026	UBND xã Phước Giang	Phòng Kinh tế	thôn Tân Lập - Xã Phước Giang	897/QĐ-UBND ngày 19/5/2026	1.495,00	1.495,00	1.495,00	1.495,00	1.495,00	1.495,00	1.339,05	439,00	900,05	50,0	33,0	17,0		